**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

 **MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN, LỚP: 6**

**I. Đặc điểm tình hình**

 **1. Số lớp:** ….. .**; Số học sinh:** …… **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

 **2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** … ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ....0.... Đại học: 01.; Trên đại học:........0.....

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp:** Tốt:.................; Khá:..0..............; Đạt:.0..............; Chưa đạt:...0......................

 **3.Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học/ Dụng cụ |  Số lượng (Bộ) |  Các bài thí nghiệm/thực hành |  Ghi chú |
| **1** | - Máy tính/Tivi- Tranh thể hiện truyền thống của gia đình, dòng họ- Giấy A0/ bút lông |  **01** | Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình ,dòng họ |  - Máy tính cá nhân |
| **2** | - Máy tính/Tivi- Giấy A0/ bút lông- Tranh thể hiện sự yêu thương, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt. | **01** | Bài 2: Yêu thương con người | - Máy tính cá nhân |
| **3** | - Máy tính/Tivi- Giấy A0/ bút lông- Bộ tranh về những việc làm thể hiện sự chăm chỉ siêng năng, kiên trì trong học tập, sinh hoạt hàng ngày. | **01** | Bài 3: Siêng năng kiên trì |  - Máy tính cá nhân |
| **4** |  - Máy tính/Tivi- Giấy A0/ bút lông-Video/clip về tình huống trung thực | **01** | Bài 4: Tôn trọng sự thật  |  - Máy tính cá nhân |
| **5** | - Máy tính/Tivi- Giấy A0/ bút lông-Video/clip về tình huống tự lập | **01** | Bài 5: Tự lập  |  - Máy tính cá nhân |
| **6** | - Máy tính/Tivi- Giấy A0/ bút lông- Video tình huống về việc tự giác làm việc nhà- Bộ dụng cụ thực hành tự nhận thức bản thân | **01** | Bài 6: Tự nhận thức bản thân. |  |
| **7** | - Máy tính/Tivi- Giấy A0/ bút lông- Bộ tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm.- Bộ dụng cụ cho học sinh thực hành ứng phó với các tình huống nguy hiểm | **01** | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm. |  - Máy tính cá nhân |
| **8** | - Máy tính/Tivi- Giấy A0/ bút lông- Video/clip tình huống về tiết kiệm- Bộ tranh thể hiện những hành vi tiết kiệm điện, nước- Bộ dụng cụ, thực hành tiết kiệm | **01** | Bài 8: Tiết kiệm |  - Máy tính cá nhân |
| **9** | - Máy tính/Tivi- Giấy A0/ bút lông- Bộ tranh thể hiện mô phỏng mối quan hệ giữa nhà nước và công dân**-** Video hướng dẫn về quy trình khai sinh cho trẻ em | **01** | Bài 9: Công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam |  - Máy tính cá nhân |
| **10** | - Máy tính/Tivi- Giấy A0/ bút lông- Bộ tranh về các nhóm quyền của trẻ em | **01** | Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em. |  - Máy tính cá nhân |
|  |  |  |  |  |

***4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bài tập*** *:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng |  Số lượng  | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| **1** | - Sân thể dục | **01**  | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm. | - Học sinh biết thực hiện một số bước đơn giản và phù hợp để phòng, tránh và ứng phó với các tình huống nguy hiểm. |
| -Lớp học  | **03** |

 **II. Kế hoạch dạy học**

1. Phân phối chương trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | **Bài 1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ** | **3** | **1. Kiến thức:**- HS nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ.- Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ.- Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp.**2. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: Yêu nước, trách nhiệm, cần cù, nhân ái. |
| 2 | **BÀI 2: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI** | **2** | **1. Kiến thức:**- HS nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.- Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.- Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.- Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người.- Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.**2. Năng lực:**- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu, tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: Yêu nước, trách nhiệm, cần cù, nhân ái. |
| 3 | **BÀI 3: SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ** | **2** | **1. Kiến thức:**- HS nêu được khái niệm và biểu hiện của siêng năng, kiên trì.- Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.- Thực hiện được những việc làm thể hiện siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động.- Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động.- Quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, nản lòng để khắc phục hạn chế này.**2. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, cần cù. |
| 4 | **ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I** | **1** | **1. Kiến thức:**- Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.- Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội. - Củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 3. **2. Năng lực:**- Năng lựng chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.- Năng lực riêng: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực. |
| 5 | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I** | **1** | ***1. Kiến thức***: - Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ.- Yêu thương con người.- Siêng năng, kiên trì.***2. Kỹ năng:*** Biết vận dụng các kiến thức đã học vào trong cuộc sống để xử lý những tình huống cụ thể, gần gũi với sinh hoạt, học tâp của các em.***3. Thái độ:*** Nghiêm túc trong giờ kiểm tra. |
| 6 | **BÀI 4: TÔN TRỌNG SỰ THẬT** | **2** | **1. Kiến thức:**- HS biết sự thật là gì và biểu hiện của tôn trọng sự thật.- Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật.- Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.- Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.**2. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm. |
| 7 | **BÀI 5: TỰ LẬP** | **2** | **1. Kiến thức:**- Nêu được khái niệm tự lập.- Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập.- Hiểu vì sao phải tự lập.- Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.- Tự thực hiện nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở nhà trường và trong sinh hoạt cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại, phụ thuộc vào người khác.**2. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, yêu nước, nhân ái. |
| 8 | **BÀI 6: TỰ NHẬN THỨC BẢN THÂN** | **3** | **1. Kiến thức:**- Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân; biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.- Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ bản thân.- Biết tôn trọng bản thân; xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của bản thân.**2. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, cần cù, nhân ái. |
| 9 |  **KIỂM TRA HỌC KỲ I** | **1** | **1. Kiến thức:** - Tôn trọng sự thật.- Tự lập.- Tự nhận thức bản thân.**2. Kỹ năng:** Biết vận dụng các kiến thức đã học vào trong cuộc sống để xử lý những tình huống cụ thể, gần gũi với sinh hoạt, học tâp của các em.**3. Thái độ:** Nghiêm túc trong giờ kiểm tra. |
| 10 | **TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KỲ I** | **1** | **1. Kiến thức:**- Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.- Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội. - Củng cố các kiến thức đã học từ bài 4 đến bài 6. **2. Năng lực:**- Năng lựng chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.- Năng lực riêng: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực. |
| 11 | **BÀI 7: ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG NGUY HIỂM** | **3** | **1. Kiến thức:**- Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.- Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn.**2. Năng lực:**- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, nhân ái. |
| 12 | **BÀI 8: TIẾT KIỆM** | **2** | **1. Kiến thức:**- Nêu được khái niệm tiết kiệm và những biểu hiện của tiết kiệm.- Giải thích được vì sao phải tiết kiệm.- Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện tiết kiệm của bản thân và người xung quanh.- Phê phán những biểu hiện của lãng phí trong cuộc sống và trong học tập.- Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống và trong học tập.**2. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm. |
| 13 | **BÀI 9: CÔNG DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM** | **2** | **1. Kiến thức:**- Nêu được khái niệm công dân.- Nêu được căn cứ xác định công dân nước CHXHCNVN.**2. Năng lực:**- Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: yêu nước, cần cù, trách nhiệm. |
| 14 | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II** | **1** | ***1. Kiến thức***: - Ứng phó với các tình huống nguy hiểm.- Tiết kiệm.- Công dân nước CHXHCNVN.***2. Kỹ năng:*** Biết vận dụng các kiến thức đã học vào trong cuộc sống để xử lý những tình huống cụ thể, gần gũi với sinh hoạt, học tâp của các em.***3. Thái độ:*** Nghiêm túc trong giờ kiểm tra. |
| 15 | **TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II** | **1** | **1. Kiến thức:**- Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.- Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội. - Củng cố các kiến thức đã học từ bài 7 đến bài 9. **2. Năng lực:**- Năng lựng chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.- Năng lực riêng: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực. |
| 16 | **BÀI 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN** | **2** | **1.Kiến thức, kĩ năng**:- Nêu được quy định của Hiến Pháp nước CHXHCNVN về quyền và nghĩa vụ của công dân.- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân phù hợp với lứa tuổi.**2. Năng lực:** - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**3. Phẩm chất:** trung thực, trách nhiệm. |
| 17 | **BÀI 11: QUYỀN CƠ BẢN CỦA TRẺ EM** | **2** | **1.Kiến thức, kĩ năng**:- Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em.- Nêu được ý nghĩa quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.**2. Năng lực:** - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**3. Phẩm chất:** nhân ái, cần cù, trung thực, trách nhiệm. |
| 18 | **BÀI 12: THỰC HIỆN QUYỀN TRẺ EM** | **2** | **1.Kiến thức, kĩ năng**:- Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong thực hiện quyền trẻ em.- Phân biệt được hành vi thực hiện và hành vi vi phạm quyền trẻ em.- Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.- Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của gia đình, nhà trường và xã hội; bày tỏ được nhu cầu thực hiện tốt quyền trẻ em.**2. Năng lực:** - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.**3. Phẩm chất:** nhân ái, cần cù, trung thực, trách nhiệm. |
| 19 | **KIỂM TRA HỌC KỲ II** | **1** | **1. Kiến thức:** - Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.- Quyền cơ bản của trẻ em.- Thực hiện quyền trẻ em.**2. Kỹ năng:** Biết vận dụng các kiến thức đã học vào trong cuộc sống để xử lý những tình huống cụ thể, gần gũi với sinh hoạt, học tâp của các em.**3. Thái độ:** Nghiêm túc trong giờ kiểm tra. |
| 20 | **TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KỲ II** | **1** | **1. Kiến thức:**- Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.- Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội. - Củng cố các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 12. **2. Năng lực:**- Năng lựng chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.- Năng lực riêng: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.**3. Phẩm chất:** - Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực. |

**III.** **Các nội dung khác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG** |  | *,ngày …. tháng 8 năm2021***GIÁO VIÊN** |

 **PHỤ LỤC II**

 **KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

 ***( Kèm theo công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDDT)***

**TRƯỜNG …..CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỔ … *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**Năm học 2021-2022**

**1. Khối lớp 6; Số học sinh ….;Môn : Giáo dục công dân**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề**  | **yêu cầu cần đạt** | **Số tiết**  | **Thời điểm** | **Địa điểm**  | **Chủ trì** | **Phối hợp** | **Điều kiện thực hiện** |
| **1** | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm. | - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.- Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn. | 3 | Tuần 20 , cuối Tháng 1 năm 2022 | - Tại sân thể dục- Lớp học  | Giáo viên bộ môn  | - Giáo viên thể dục - Tổng phụ trách đội- Phòng thiết bị  | - Đầy đủ dụng cụ và không gian phù hợp.- Bộ tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm.- Bộ dụng cụ cho học sinh thực hành ứng phó với các tình huống nguy hiểm |

 **TỔ TRƯỞNG** *, ngày ....tháng 8 năm 2021*

 **HIỆU TRƯỞNG**